

Số: 719/BC-UBND

Ninh Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính quý III năm 2024 huyện Ninh Sơn

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ;

Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn báo công tác cải cách hành chính quý III năm 2024, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

Ủy ban nhân dân huyện đã tham mưu Ban Thường vụ huyện ủy ban hành Kế hoạch số 138-KH/HU ngày 03/02/2023 về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025; Kế hoạch số 258-KH/HU ngày 01/4/2024 về thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị của tỉnh. Ngoài ra, trong quý III năm 2024, UBND huyện còn ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính năm 2024, như sau:¹

¹ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 về việc thành lập Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính; công tác thi đua - khen thưởng; công tác tôn giáo, công tác văn thư - lưu trữ và quản lý, lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức và hồ sơ, bản đồ, mốc địa giới hành chính năm 2024; Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 04/7/2024 về triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh PCI năm 2024 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 29/7/2024 về khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính công của các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn huyện Ninh Sơn năm 2024; Công văn số 2476/UBND-NV ngày 10/6/2024 về việc phối hợp liệt kê nhân khẩu triển khai Dự án PAPI năm 2024; Công văn số 2708/UBND-NV ngày 25/6/2024 về việc triển khai Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND tỉnh về ban hành Danh mục DVCTT toàn trình và một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 3028/UBND-NV ngày 17/7/2024 về việc góp ý dự thảo Kế hoạch tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Công văn số 3249/UBND-TH ngày 31/7/2024 về thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện; Công văn số 3282/UBND-NV ngày 02/8/2024 về việc triển khai Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục TTHC được chuẩn hóa trong lĩnh vực Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 3544/UBND-NV ngày 16/8/2024 về việc mời người dân tham gia trao đổi Dự án PAPI năm 2024; Công văn số 3598/UBND-NV ngày 19/8/2024 về triển khai thực hiện các nội dung phục vụ khảo sát, đánh giá Chỉ số PAPI năm 2024; Công văn số 3637/UBND-NV ngày 20/8/2024 về việc góp ý dự thảo văn bản triển khai thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tại Phiên họp thứ tám; Công văn số 3641/UBND-NV ngày 20/8/2024 về phân công cán bộ, công chức trong việc khảo sát Chỉ số PAPI năm 2024; Công văn số 3757/UBND-NV ngày 27/8/2024 về việc đề xuất nội dung bồi dưỡng công tác cải cách hành chính, thực hiện dân chủ cơ sở năm 2024; Công văn số 3813/UBND-NV ngày 29/8/2024 về việc triển khai thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tại Phiên họp thứ tám ngày 15/7/2024; Công văn số 3854/UBND-NV ngày 30/8/2024 về việc triển khai Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực Nội vụ thuộc

Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 về ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2024.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện cải cách hành chính:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện đã chủ động triển khai công tác cải cách hành chính năm 2024, như đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2024, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2024 và thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện và hệ thống loa truyền thanh của các xã, thị trấn đã đưa tin về kết quả giải quyết TTHC; tuyên truyền kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát động phong trào thi đua thực hiện các kế hoạch cải cách hành chính của huyện. Ngoài ra, việc tuyên truyền được thực hiện thường xuyên và triển khai nhiệm vụ về công tác Cải cách hành chính được thông qua tại các cuộc họp giao ban, họp triển khai các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra cải cách hành chính:

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 và tổ chức kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính và kiểm tra đột xuất về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện và UBND các xã, thị trấn. Qua kiểm tra, các đơn vị đều chấp hành và thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế:

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong quý III năm 2024 không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 17/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Ninh Sơn năm 2024.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 16/01/2024 về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn huyện.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/01/2024 về rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện năm 2024; Kế hoạch số 11/KH-UBND

thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Thông báo số 1165/TB-UBND ngày 28/8/2024 về lịch kiểm tra công tác cải cách hành chính; công tác thi đua - khen thưởng; công tác tôn giáo, công tác văn thư - lưu trữ và quản lý, lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức và hồ sơ, bản đồ, mốc địa giới hành chính năm 2024.

ngày 10/01/2024 về kiểm tra văn bản bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Ninh Sơn năm 2024; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 17/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Ninh Sơn năm 2024; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 23/01/2024 về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện và dự thảo Nghị quyết của HĐND huyện do UBND huyện trình trong năm 2024; Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 16/01/2024 về công tác kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Ninh Sơn.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện Ninh Sơn; Công văn số 4234/UBND-TH ngày 28/12/2023 về việc lập Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện Ninh Sơn nhằm tăng cường hoạt động kiểm soát và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

- Việc niêm yết công khai các bộ thủ tục và các quy định hành chính tại các cơ quan, đơn vị, hầu hết đảm bảo kỹ thuật trình bày theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Công văn số 16/VPUB-KSTTHC ngày 02/01/2018 của Văn phòng UBND tỉnh về việc Hướng dẫn báo cáo và niêm yết công khai TTHC, nội dung và địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đến danh mục thủ tục hành chính đã công bố TCVN ISO 9001:2015 phải thực hiện việc cập nhật quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Ninh Thuận.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả theo đúng quy định; việc công khai được thực hiện dưới hình thức niêm yết công khai tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện. Thông qua việc công khai các thủ tục hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu, theo dõi và thực hiện thủ tục hành chính được dễ dàng hơn.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến: Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với lĩnh vực cấp giấy phép kinh doanh, xây dựng và bán lẻ thuốc lá, rượu trên địa bàn huyện đang triển khai từng bước có hiệu quả. Tuy nhiên việc thanh toán điện tử của một số người dân còn hạn chế dẫn đến nhiều hồ sơ được giải quyết chưa thực hiện tròn quy trình dịch vụ công ở mức độ 4.

- Kết quả rà soát, đánh giá: Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (*Tổng số TTHC; chi tiết số lượng TTHC cấp huyện, cấp xã và số lượng TTHC thuộc các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương*).

+ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thời điểm hiện tại của UBND cấp huyện là: 252 thủ tục.

+ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thời điểm hiện tại của UBND cấp xã là: 109 thủ tục.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa: Tiếp tục duy trì thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tại huyện và 08/08 xã, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương:

Cấp huyện: Kết quả thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên phần mềm một cửa điện tử của huyện là: 491 hồ sơ (trong đó, có 443 hồ sơ tiếp nhận qua mạng): Hồ sơ giải quyết trước hạn 418 hồ sơ; hồ sơ giải quyết đúng hạn 27 hồ sơ; hồ sơ quá hạn 01 hồ sơ (hồ sơ chuyên mục đích sử dụng đất); hồ sơ đang trong hạn giải quyết (bao gồm cả hồ sơ chờ bổ sung) 45 hồ sơ.

Cấp xã: Kết quả thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên phần mềm một cửa điện tử và số hồ sơ tiếp nhận mức độ 3, 4 giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã: 2.390 hồ sơ (trong đó, có 2.324 hồ sơ tiếp nhận qua mạng): Hồ sơ giải quyết trước hạn 2.191 hồ sơ; hồ sơ giải quyết đúng hạn 197 hồ sơ; hồ sơ đang trong hạn giải quyết (bao gồm cả hồ sơ chờ bổ sung) 02 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: không phát sinh hồ sơ.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Triển khai công tác Kiểm soát TTHC theo lộ trình tại Kế hoạch UBND huyện đã ban hành, thực hiện hàng tháng và hàng quý.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Tiếp tục tham mưu Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII sau khi có Quyết định của UBND tỉnh.

- Tình hình triển khai thực hiện Quy chế làm việc: Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện và UBND các xã, thị trấn đều đã ban hành Quy chế làm việc của cơ quan đảm bảo nguyên tắc và thẩm quyền theo quy định.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 368/UBND-NV ngày 24/01/2024 về việc khẩn trương rà soát, xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị. Đến ngày 19/02/2024, UBND huyện có Tờ trình số 26/TTr-UBND về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong các cơ quan của HĐND và UBND cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã thuộc huyện Ninh Sơn và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2024.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định tạm giao biên chế công chức, viên chức, biên chế hội năm 2024 theo quy định; phân bổ chỉ tiêu thu hồi biên chế hành chính, sự nghiệp giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn huyện, đảm bảo mục tiêu đến năm 2026 giảm 69 biên chế.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Thực hiện Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và Quy định số 28-QĐi/TU ngày 23/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; theo đó Ban Thường vụ Huyện ủy, Đảng ủy các xã, thị trấn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác cán bộ.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 theo Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 1956 và Đề án 124 của CP); Kế hoạch số 138-KH/HU ngày 07/9/2018 của Huyện ủy Ninh Sơn thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 được phê duyệt tại Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND huyện.

- Công tác bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử ở các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện theo đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về công tác cán bộ. Kết quả bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị thuộc huyện: 09 trường hợp, trong đó: Bổ nhiệm 02 trường hợp, bổ nhiệm lại 04 trường hợp, điều động về giữ chức danh lãnh đạo, quản lý tại xã 01 trường hợp, phân công phụ trách 02 trường hợp.

- Tổng số biên chế công chức, viên chức được giao năm 2024 là 1.366 biên chế, trong đó: Cơ quan chuyên môn thuộc huyện 77 biên chế, đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện 12 biên chế, tổ chức Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ 06 biên chế, đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo 1.028 biên chế và sự nghiệp y tế (Trung tâm Y tế) 243 biên chế.

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức có mặt tính đến thời điểm báo cáo là 1.287 người, trong đó: Cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện 73 người, đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện: 19, tổ chức hội 05 người, đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 977 người và đơn vị sự nghiệp y tế (Trung tâm Y tế) 213 người.

- Toàn huyện có 7 xã và 01 thị trấn/194 biên chế được giao; hiện nay đang thực hiện 154 biên chế, gồm: 80 cán bộ và 74 công chức; 85 người hoạt động không chuyên trách cấp xã, 149 người hoạt động không chuyên trách thôn, khu phố của 61 thôn, khu phố.

- Thực hiện tinh giản biên chế cấp huyện: Trong quý III năm 2024 không có trường hợp nào đề nghị tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc thực hiện Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; 100% các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức đăng ký cam kết thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính.

5. Cải cách tài chính công:

a) Quản lý Ngân sách nhà nước: Để triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2024, UBND huyện giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách huyện, dự toán thu, chi ngân sách xã, thị trấn, mức bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn năm 2024 để trình Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện xem xét cho ý kiến để triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành: Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các phòng, ban ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù thuộc ngân sách cấp huyện; Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của huyện Ninh Sơn.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính:

Tiếp tục thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan từ huyện đến xã theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch đúng các định mức, tiêu chuẩn chế độ tài chính và chức năng, nhiệm vụ được giao để tổ chức hoạt động đạt kết quả cao.

c) Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 và vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm

2023 kéo dài sang năm 2024 (theo dự toán được nhập) thực hiện là: 54.984 triệu đồng/87.582 triệu đồng đạt 63%.

d) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Tiếp tục thực hiện việc cập nhật biến động tài sản vào Phần mềm quản lý tài sản công và rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ nhà, đất giữ lại để đưa vào quản lý, sử dụng theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*): Ủy ban nhân dân huyện đã giao tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định giao tự chủ cho 42 đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 11/3/2022 Thực hiện Chương trình hành động số 123-CTr/HU của Ban Thường vụ huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Toàn huyện đến thời điểm báo cáo: HĐND và UBND huyện đã ban hành 9.935 văn bản, gồm: 31 Nghị quyết, 3.904 Công văn, 2.557 Quyết định; 1.168 Thông báo, 249 Tờ trình, 713 Báo cáo, 01 Chỉ thị, 331 Kế hoạch, 775 Phiếu chuyển và 206 văn bản khác (phương án, biên bản...); tiếp nhận 564 đơn thư các loại và tham mưu lãnh đạo UBND huyện tổ chức 265 cuộc họp theo đúng quy định.

- Toàn huyện trong quý III năm 2024 có 23.391 văn bản (trên hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc - TD OFFICE), trong đó: 11.016 văn bản đến và 12.375 văn bản đi.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan đã từng bước cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của các cơ quan, đơn vị; góp phần phục vụ các tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực:

Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai công tác cải cách hành chính được thực hiện kịp thời, luôn bám sát kế hoạch cải cách hành chính, cụ thể từng nhiệm vụ giúp các cơ quan hành chính triển khai đúng trọng tâm.

Các thủ tục, quy trình, thời gian giải quyết và việc thu phí, lệ phí được niêm yết công khai đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhằm giúp cho tổ chức, công dân hiểu rõ các thủ tục cần thiết, giúp Nhân dân giám sát được việc làm của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ, giảm bớt phiền hà cho tổ chức, công dân khi đến liên hệ công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

Việc cập nhật thông tin liên quan đến rà soát, điều chỉnh các TTHC từ các văn bản QPPL có lúc chưa thường xuyên, chưa kịp thời; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ cải cách hành chính tại một số xã còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. khi có sự thay đổi, thực hiện niêm yết công khai đôi lúc chưa kịp thời.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp và tính khả thi.

2. Tiếp tục thực hiện lộ trình thu hồi biên chế theo kế hoạch của cấp trên.

3. Tăng cường công tác thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số (PAR INDEX); Chỉ số (DCCI); Chỉ số (PAPI) và Chỉ số (SIPAS) trên địa bàn huyện. Thực hiện gửi thư chúc mừng, thư chia buồn và thư xin lỗi đến tổ chức, người dân.

4. Tiếp tục tham mưu thực hiện Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện Ninh Sơn. Tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tiếp công dân đến phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý đơn thư theo đúng trình tự, thủ tục theo Luật định.

5. Tiếp tục duy trì, phát triển Trang thông tin điện tử của huyện bảo đảm cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phục vụ cho người dân và doanh nghiệp. Hướng dẫn, tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với cơ quan nhà nước khi thực hiện các dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng. Thực hiện nghiêm túc về Chứng thư số và sử dụng Chữ ký số điện tử cho các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn; đồng thời chú trọng việc bố trí lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách theo dõi, phụ trách CNTT tại huyện và địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn./.

(Kèm theo phụ lục thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2024)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Phòng Nội vụ;
- UBND các xã, TT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Kiêu Tấn Thịnh

PHỤ LỤC THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH QUÝ III NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

PHỤ LỤC 1 – CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	16	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	200	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		

PHỤ LỤC 2 - CẢI CÁCH THẺ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

PHỤ LỤC 3 - CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	252	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	109	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	90,83	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	446/491	Hồ sơ đang trong hạn giải quyết (bao gồm cả hồ sơ chờ bổ sung) 45 hồ sơ
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	27/491	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,91	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2.388/2.390	Hồ sơ đang trong hạn giải quyết (bao gồm cả hồ sơ chờ bổ sung) 02 hồ sơ
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	197/2.390	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

PHỤ LỤC 4 – CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	42	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	04	Bao gồm BQL Dự án đầu tư xây dựng)
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	77	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	73	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	04	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.289	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.214	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

PHỤ LỤC 5 – CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	05	(Bao gồm BQL Dự án đầu tư xây dựng)
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	02	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

PHỤ LỤC 6 – CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	63	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	87.582	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	54.984	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>		42	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	42	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	02	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	02	TTQĐ, BQL dự án ĐTXD
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>01</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>01</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	44	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

PHỤ LỤC 7 – XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	252	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	252	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	252	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	252	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	252	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	252	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 <i>(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	%	90,22	
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>491</i>	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>443</i>	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	92	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>25</i>	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>23</i>	